

Bản án số: 28/2026/HS-ST
Ngày 29 - 4 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Đình Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Mạnh Cường và ông Nguyễn Quang Chính.

- Thư ký phiên tòa: ông Hoàng Trung Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Đặng Thành Long và ông Bùi Hoài S - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2026/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2026/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2026 đối với:

- Bị cáo: Ngô Hồng S1, sinh ngày 04/12/1997, tại Đ, Quảng Ninh; số CCCD: 022097004344; nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn N và bà Tô Thị G; vợ là Lê Thị Hồng N1 và 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 10/6/2020 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, về tội "Đánh bạc". Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam ngày 04/7/2025, hiện tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: bà Mai Thị L, Luật sư Công ty L1 Chi nhánh số 2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q bào chữa cho Ngô Hồng S1. Có mặt.

- Bị hại: anh Bùi Văn C, sinh năm: 1991; cư trú tại: thôn Đ, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: anh Bùi Văn T, sinh năm: 1998; nơi cư trú: thôn C, xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác: người làm chứng anh Lưu Thanh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: ngày 10/01/2025, anh Bùi Văn C (sinh năm 1991; trú tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh) mua lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Vinfast Lux A2.0

màu đỏ, biển kiểm soát 15A-756.12 của anh Hoàng Việt T2 (sinh năm 1994, trú tại Hải Phòng) với giá 500.000.000 đồng (có hợp đồng mua bán) nhưng chưa làm thủ tục đăng ký lại. Ngoài giấy đăng ký, giấy chứng nhận đăng kiểm xe bản gốc; anh T2 còn gửi hình ảnh căn cước công dân và giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của vợ chồng anh T2 cho anh C để làm thủ tục chuyển nhượng.

Do có mối quan hệ quen biết với anh C, tối 05/02/2025, Ngô Hồng S1 liên hệ với anh C hỏi vay tiền, do không có tiền cho S1 vay nên anh C đã cho S1 mượn chiếc xe ô tô biển kiểm soát 15A-756.12 để mang đi cầm cố, S1 nói mượn vài ngày sẽ lấy xe về trả. Do trước đó anh C đã cho S1 mượn xe vài lần, S1 đều trả xe đúng hạn, nên anh C tin tưởng giao xe và giấy tờ liên quan cho S1. Khoảng 22 giờ cùng ngày, S1 cùng anh Lưu Thanh T1 (sinh năm 1995, trú tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh) đến nhà anh C nhận xe ô tô biển kiểm soát 15A-756.12. Sau đó, S1 và anh T1 điều khiển xe đến Cửa hàng mua bán xe Tự Dương của anh Bùi Văn T (sinh năm 1998, trú tại thôn C, xã Q, tỉnh Quảng Ninh). Tại đây, S1 nói với anh T xe ô tô biển kiểm soát 15A-756.12 là của S1 mua lại tại Hải Phòng, giấy đăng ký xe vẫn mang tên chủ cũ là anh Hoàng Việt T2, hiện chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ và đặt vấn đề muốn cầm cố xe trong thời hạn 01 tuần, nhưng anh T không đồng ý nhận cầm cố xe mà chỉ mua xe. Lúc này, do cần tiền nên S1 đồng ý bán xe ô tô biển kiểm soát 15A-756.12 cho anh T với giá 450.000.000 đồng. S1 nói “ra lộc” lại cho anh T 5.000.000 đồng với điều kiện trong vòng 07 ngày anh T không được bán chiếc xe này cho người khác, nếu S1 có tiền sẽ mua lại xe, anh T đồng ý. Anh T lấy 01 tờ “Giấy bán xe ô tô” được đánh máy trước nhưng chưa ghi nội dung cụ thể, định viết nội dung mua bán thì S1 nói để S1 ký trước vào mục người bán, nội dung cụ thể thì anh T sẽ điền sau. Sau khi S1 ký giấy mua bán xe xong, anh Trung chuyển K số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng B số 4440576199 của S1, S1 giao xe và giấy tờ liên quan cho anh T, số tiền còn lại anh T nói sẽ chuyển sau khi kiểm tra lại xe. Ngày 06/02/2025, S1 gửi cho anh T hình ảnh căn cước công dân, giấy đăng ký kết hôn của chủ xe anh Hoàng Việt T2, anh Trung chuyển K số tiền 245.000.000 đồng còn lại cho S1. Sau khi nhận tiền từ anh T, S1 đã sử dụng để đánh bạc trên mạng Internet và chi tiêu cá nhân hết. Sau khi bán xe ô tô biển kiểm soát 15A-756.12 của anh C cho anh T, ngày 12/02/2025, S1 tiếp tục bán chiếc xe ô tô Kia Seltos biển kiểm soát 14A-760.88 của S1 cho anh T lấy 530.000.000 đồng, nhưng S1 không sử dụng để mua lại xe ô tô biển kiểm soát 15A-756.12 trả cho anh C, mà sử dụng 350.000.000 đồng để trả nợ cho anh V Trung Hiếu, số tiền còn lại S1 sử dụng để đánh bạc, chi tiêu cá nhân hết.

Khoảng 07 ngày sau khi cho S1 mượn xe, anh C gọi điện đòi xe thì S1 hứa hẹn, nói với anh C là đang thu xếp tiền chuộc xe về trả, không nói cho anh C biết việc đã bán xe vì sợ anh C đến nhà đòi tiền bố mẹ S1. Sau đó, do không còn khả năng mua lại xe ô tô biển kiểm soát 15A-756.12 trả cho anh C, nên S1 trốn tránh, không sử dụng số điện thoại 0862289680, tự xóa tài khoản zalo “Bắp” đăng ký bằng số điện thoại 0862289680, với mục đích nếu anh C trình báo Công an thì cũng không có khả năng tìm lại, phục hồi tin nhắn.

Sau khi không đòi được xe, ngày 19/3/2025, anh Bùi Văn C đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q trình báo.

Đến ngày 04/7/2025, Ngô Hồng S1 đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 41 ngày 08/4/2025, của Hội đồng định giá tài sản thành phố H xác định: 01 xe ô tô con nhãn hiệu Vinfast Lux A2.0 màu đỏ, biển kiểm soát 15A-756.12, sản xuất năm 2021, đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá tháng 02/2025 trị giá 630.336.000 đồng.

Kết luận giám định số: 621 ngày 26/5/2025, của Phòng K1 Công an tỉnh Q xác định: Chữ ký dạng chữ viết mang tên “Ngô Hồng S1” và chữ viết “Ngô Hồng Sơn” dưới chữ ký trong tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký dạng chữ viết mang tên “Ngô Hồng S1” và chữ viết “Ngô Hồng Sơn” trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M01 đến M06 do cùng một người ký ra.

Quá trình điều tra bị cáo Ngô Hồng S1 đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu trên.

Về vật chứng: 01 xe ô tô con nhãn hiệu Vinfast Lux A2.0 màu đỏ, biển kiểm soát 15A-756.12 và giấy tờ kèm theo; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, Cơ quan điều tra đã trả cho anh Bùi Văn C; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15 màu trắng bên trong gắn sim số 0339897866 tạm giữ của Ngô Hồng S1 chuyển Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh để bảo quản theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: anh Bùi Văn C đã nhận lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát 15A-756.12, anh C không yêu cầu gì thêm; anh Bùi Văn T yêu cầu bị cáo Ngô Hồng S1 trả lại số tiền 445.000.000 đồng, S1 chưa trả tiền cho anh T.

Tại bản Cáo trạng số: 82/CT-VKSQNH-P2 ngày 23/3/2026, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Ngô Hồng S1 về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh được phân công thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: bị cáo Ngô Hồng S1 từ 13 năm đến 14 năm tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/7/2025.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản là xe ô tô biển kiểm soát 15A-756.12 và không có yêu cầu bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với số tiền 445.000.000 đồng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Bùi Văn T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền trên. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); các Điều 584, 585, 586, 589, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho anh T.

Về vật chứng vụ án: chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15 màu trắng bên trong gắn sim số 0339897866 là tài sản hợp pháp của bị cáo, không sử dụng vào

việc phạm tội. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo.

Bị hại: anh Bùi Văn C có mặt tại phiên tòa có ý kiến trình bày: anh đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại xe ô tô con nhãn hiệu Vinfast Lux A2.0 màu đỏ, biển kiểm soát 15A-756.12 và giấy tờ kèm theo. Anh không có yêu cầu bồi thường gì, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Bùi Văn T, vắng mặt tại phiên tòa, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt có ý kiến: anh không biết chiếc xe ô tô Vinfast Lux A2.0 màu đỏ, biển kiểm soát 15A-756.12 là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, anh đã bỏ tiền ra mua chiếc xe trên, nay tài sản đã trả cho bị hại, anh yêu cầu bị cáo phải bồi thường anh số tiền 445.000.000 đồng, bị cáo S1 thống nhất bồi thường, nhưng hiện tại chưa có tiền để bồi thường cho anh Bùi Văn T.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Ngô Hồng S1 có quan điểm bào chữa: Luật sư không tranh luận về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị có phần nghiêm khắc, tại phiên tòa các tình tiết giảm nhẹ đã được làm rõ, bị cáo thật sự thành khẩn, hoàn toàn không có kế hoạch chiếm đoạt tài sản ngay từ đầu, tài sản đã được hoàn trả cho bị hại, như vậy thiệt hại về tài sản là không có. Đối với trách nhiệm dân sự bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị cáo đã có ý thức tác động gia đình bồi thường, nhưng hiện gia đình vì điều kiện chưa bồi thường được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức đề nghị thấp nhất của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Ngô Hồng S1 đồng ý với quan điểm của người bào chữa, không có ý kiến bổ sung và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm tranh luận với ý kiến của người bào chữa: Luật sư không tranh luận gì về tội danh, điều luật và các tình tiết giảm nhẹ, do đó đại diện Viện kiểm sát không đối đáp. Về hình phạt, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá đầy đủ, toàn diện các tình tiết giảm nhẹ, điều kiện hoàn cảnh của bị cáo, tính chất mức độ của hành vi của bị cáo, để đề nghị mức hình phạt tương xứng, tài sản chiếm đoạt có giá trị lớn, bản thân bị cáo có nhân thân xấu, không lấy đó làm bài học để cải tạo thành công dân tốt. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm về mức hình phạt như luận tội.

Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Hồng S1 thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố là đúng. Lời nói sau cùng bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh

Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Kiểm sát viên: trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, tình tiết định khung hình phạt, điều luật Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố: tại phiên tòa bị cáo Ngô Hồng S1 khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, kết luận định giá tài sản và cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định: ngày 05/02/2025, tại xã Đ, huyện T (nay là xã Đ, tỉnh Quảng Ninh), bị cáo Ngô Hồng S1 đã có hành vi mượn 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu Vinfast Lux A2.0 biển kiểm soát 15A-756.12, trị giá 630.336.000 đồng của anh Bùi Văn C để mang đi cầm cố mấy ngày lấy tiền giải quyết việc cá nhân. Sau khi được anh C tin tưởng giao xe và các giấy tờ liên quan, S1 đã đem chiếc xe trên đến Cửa hàng mua bán xe Tự Dương của anh Bùi Văn T ở thôn C, xã Q, huyện H (nay là xã Q), tỉnh Quảng Ninh, nói dối là xe của S1 mua lại tại Hải Phòng, chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ và bán chiếc xe trên cho anh T với giá 450.000.000 đồng, sử dụng để đánh bạc trên mạng Internet và chi tiêu cá nhân hết. Do đó, hành vi của bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, như kết luận của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an của địa phương. Bởi vậy, cần phải được xử lý nghiêm.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi bị phát hiện đã tự nguyện ra trình diện đầu thú và khai báo với cơ quan chức năng về hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt chính: từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: cần thiết ấn định mức hình phạt trong khung hình phạt đã truy tố đối với bị cáo cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu

nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 445.000.000 đồng, bị cáo đồng ý, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Bùi Văn T số tiền 445.000.000 đồng.

[9] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) xe ô tô con nhãn hiệu Vinfast Lux A2.0 màu đỏ, biển kiểm soát 15A-756.12 và giấy tờ kèm theo; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, Cơ quan điều tra đã trả cho anh Bùi Văn C nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15 màu trắng, đã qua sử dụng kèm 01 (một) sim, là tài sản hợp pháp của bị cáo, bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo.

[10] Đối với việc Ngô Hồng S1 có hành vi đánh bạc trên mạng Internet, quá trình điều tra không đủ căn cứ xử lý về tội “Đánh bạc”, nên không đề cập. Việc anh Bùi Văn T có hành vi mua lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Vinfast Lux A2.0 biển kiểm soát 15A-756.12 của Ngô Hồng S1 nhưng không biết đây là chiếc xe do S1 phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

[11] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, hình phạt và điều luật áp dụng: căn cứ vào khoản 4 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Xử phạt bị cáo Ngô Hồng S1 13 (mười ba) năm tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/7/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), các Điều 584, 585, 586, 589, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Bùi Văn T số tiền 445.000.000^d (bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025): trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động OPPO màu trắng, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong máy, máy bật không lên nguồn, không kiểm tra được số seri, số imei và 01 (một) sim điện thoại.

(Tình trạng số vật chứng trên theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày số: 78 ngày 24/3/2026 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ninh và Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh).

4. Về án phí: căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2015/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc bị cáo Ngô Hồng S1 phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 21.800.000^d (hai mươi một triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: căn cứ vào khoản 1, 4 Điều 331 và khoản 1, 3 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án này, được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh QN;
- Cơ quan CSĐT, THAHS Công an tỉnh QN;
- VKSND, Phòng THADS khu vực 4 - QN;
- Phòng HSNV Công an tỉnh QN;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đình Khoa